

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/KDTM - ST

Ngày 25/9/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trâm**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Sơn**.

2. Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thái Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 05/2023/TLST-KDTM ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 05A/2023/QĐST-KDTM ngày 30/8/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP T-** Trụ sở: Tòa nhà TP Bank, số 57 đường L, quận H, TP Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Minh P** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện theo ủy quyền: Ông **Ngô Văn L** và bà **Lưu Thị T**- Chức vụ: Chuyên viên TP Bank chi nhánh Đà Nẵng theo Giấy ủy quyền số 666/2022/GUQ-TPB.CMC ngày 07/12/2022 của Trưởng phòng- Phòng xử lý nợ Miền Bắc- Trung tâm giám sát tín dụng và xử lý nợ khách hàng Doanh nghiệp- TP Bank và Giấy ủy quyền số 18/2020/GUQ-TPB,HĐQT ngày 25/9/2020 của Chủ tịch HĐQT. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* **Công ty TNHH A.** Địa chỉ: 37 đường P, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn Trung N**- Chức vụ: Giám đốc. *Vắng mặt.*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Văn Trung N**- Sinh năm: 1986- HKTT: Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh- Chỗ ở hiện tại: Số 37 đường P, phường M, quận N, Tp Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Công ty TNHH A vay vốn tại Ngân hàng TMCP T (TPBank) theo hợp đồng tín dụng số 456/2021/HDTD/DNG/01 ngày 25/03/2021 và TPBank đã giải ngân theo Khế ước giải ngân và nhận nợ số 456/2021/GNN/DNG/01 ngày 25/03/2021 và văn bản sửa đổi bổ sung số 456/2021/GNN/DNG/01/SDBS/01 ngày 30/09/2021:

- + Số tiền giải ngân: 1.850.000.000 đồng;
- + Mục đích: vay mua xe ô tô;
- + Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày 26/03/2021 đến ngày 25/03/2026;
- + Ngày đề nghị giải ngân: 25/03/2021;
- + Lãi suất: Khoản vay thanh toán tiền mua xe: (i) lãi suất áp dụng áp dụng kể từ ngày 25/03/2021 cho đến ngày 25/03/2022: 7.7%/năm; (ii) thời gian tiếp theo đến ngày 25/03/2026: Điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần = lãi suất tiết kiệm 12 tháng (*) TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng với (+) biên độ 3%/năm;
- + Lịch trả nợ: Trả nợ gốc theo lịch của TPBank, trả lãi định kỳ hàng tháng vào ngày 30;
- + Phí trả nợ trước hạn:
 - Trong 36 tháng đầu tiên: 3%* số tiền trả nợ trước hạn;
 - Từ tháng 37 đến tháng 60: 1%* số tiền trả nợ trước hạn;
- + Phí cấp hạn mức tín dụng dự phòng: 1%/năm.
- + Tài sản bảo đảm: Xe ô tô nhãn hiệu Mercedes – Benz GLC 300, màu đen, số khung RLM0G8EB2MV012942, số máy 2642030373864, biển kiểm soát 43A-606.40 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43003505 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/03/2021 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 456/2021/HDBD/DNG/01 ngày 25/03/2021. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

- Ngày 25/03/2021, ông Nguyễn Văn Trung N là đại diện theo pháp luật của Công ty ký cam kết trả nợ/thực hiện nghĩa vụ tín dụng thay với nội dung: Trong trường hợp Công ty TNHH A không thanh toán được nợ gốc và/hoặc nợ lãi/hoặc các nghĩa vụ tín dụng khác của hợp đồng với bất kỳ lý do gì, Tôi/chúng tôi cam kết một cách vô điều kiện và không hủy ngang về việc chịu trách nhiệm thay cho Công ty TNHH A trả đầy đủ toàn bộ dư nợ gốc và bất kỳ hoãn lãi, phí, chi phí, phạt hợp đồng, bồi thường thiệt hại và các chi phí khác (sau đây gọi là “khoản tiền trả thay”) mà Công ty nợ/có nghĩa vụ thực hiện và phải trả/thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng và theo đúng yêu cầu của Ngân hàng TMCP T.

Ngày 30/9/2021, với chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong tình hình dịch Covid Ngân hàng và đại diện Công ty TNHH A có ký kết Văn bản sửa đổi, bổ sung số 456/2021/GNN/DNG/01/SDBS/01 (đính kèm Khế ước giải ngân và nhận nợ số 456/2021/GNN/DNG/01 ký ngày 25/3/2021) theo đó bổ sung nội dung tại khoản 11 Lịch trả nợ như sau: Đối với dự nợ gốc (Mã khoản vay 370M41M210840502): Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ đối với khoản nợ gốc từ kỳ trả nợ tháng 09/2021 đến tháng 12/2021, các khoản này được cộng dồn và phân kỳ trả đều hàng tháng từ kỳ trả nợ tháng 01/2022 đến kỳ tháng 08/2022. Do vậy, số tiền gốc của 03 tháng từ 09/2021-12/2021 được cộng dồn lại là: 123.333.332 đồng.

Trong quá trình trả nợ vay, Công ty A đã thanh toán cho TPBank số tiền 551.756.125 đồng gồm 416.275.178 đồng gốc và 135.480.947 đồng lãi. Bắt đầu từ ngày 05/04/2022 Công ty quá hạn khoản vay cho đến hiện nay (505 ngày). TPBank đã làm việc, đôn đốc và tạo điều kiện cho Công ty TNHH A thanh toán nợ nhưng TPBank không nhận được sự hợp tác trả nợ. Căn cứ quy định tại Hợp đồng cho vay, TPBank đã gửi thông báo thu hồi nợ trước hạn để thu hồi trước hạn toàn bộ khoản nợ của Công ty TNHH A.

Dư nợ của Công ty A tại TPBank tạm tính đến ngày 25/09/2023, như sau:

- Nợ gốc: 1.557.058.154 đồng;
- Nợ lãi: 342.876.219 đồng;
- Tổng nợ: 1.899.934.373 đồng

Tại phiên toà hôm nay, Ngân hàng TMCP T đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau:

Buộc Công ty TNHH A thanh toán ngay cho TPBank tổng số tiền (tạm tính đến ngày 25/09/2023) là: 1.899.934.373 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc 1.557.058.154 đồng, nợ lãi 342.876.219 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 26/9/2023 cho đến khi Công ty TNHH A trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng.

- Trường hợp Công ty A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán/thanh toán không đầy đủ, TPBank được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu Mercedes – Benz GLC 300, màu đen, số khung RLM0G8EB2MV012942, số máy 2642030373864, biển kiểm soát 43A-606.40 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43003505 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/03/2021 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 456/2021/HDBD/DNG/01 ngày 25/03/2021.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty A với TPBank. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty A và ông Nguyễn Văn

Trung Nhật có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho TPBank theo Cam kết trả nợ/thực hiện nghĩa vụ tín dụng thay ngày 25/3/2021.

** Đối với bị đơn- Công ty TNHH A:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập họp lệ bằng hình thức niêm yết công khai tại trụ sở của công ty, tại UBND phường M và tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N cho bị đơn được biết nhưng đại diện Công ty TNHH A đều vắng mặt. Qua xác minh tại Công an phường M, quận N: Công ty TNHH A từ trước đến nay không đặt biển hiệu tên Công ty tại địa chỉ 37 đường P, phường M, quận N, Tp Đà Nẵng nên không rõ công ty có hoạt động hay không. Tòa án nhân dân quận N đã tiến hành xác minh địa chỉ trụ sở hoạt động và tình trạng đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH A để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh như sau:

Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng cung cấp: Công ty TNHH A được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0402036951, đăng ký lần đầu ngày 22/4/2020; địa chỉ trụ sở chính: 37 đường P, phường M, quận N, Tp Đà Nẵng; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Nhật T - Chức danh: Giám đốc.

Tình trạng pháp lý của công ty: Không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Ngày 29/6/2023 Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch đầu tư thành phố Đà Nẵng đã có thông báo số QDCB/307182 yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp.

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Nguyễn Văn Trung N:* Xác minh nơi cư trú của ông Nguyễn Văn Trung N là người đại diện hợp pháp của công ty thì được biết: Ông Nguyễn Văn Trung N có đăng ký tạm trú tại số 37 đường P, phường M, quận N, Tp Đà Nẵng; Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt hợp lệ cho ông T, nhưng ông T đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát khẳng định* trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các bên đương sự, nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng; riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên tục vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chấp hành quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 280, Điều 299, Điều 303 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của

pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T đối với Công ty TNHH A. Buộc Công ty TNHH A phải trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền tính đến ngày 25/9/2023 là: **1.899.934.373 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc 1.557.058.154 đồng, nợ lãi 342.876.219 đồng;** Công ty TNHH A tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 26/9/2023 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

- Trường hợp Công ty A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán/thanh toán không đầy đủ, TPBank được quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu Mercedes – Benz GLC 300, màu đen, số khung RLM0G8EB2MV012942, số máy 2642030373864, biển kiểm soát 43A-606.40 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43003505 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/03/2021 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 456/2021/HDBD/DNG/01 ngày 25/03/2021.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty A với TPBank. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty A và ông Nguyễn Văn Trung N có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho TPBank theo Cam kết trả nợ/thực hiện nghĩa vụ tín dụng thay ngày 25/3/2021.

- Án phí, chí phí tố tụng bị đơn phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về phần thủ tục: Đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP T và Công ty TNHH A; bị đơn - Công ty TNHH A có địa chỉ trụ sở: tại số 37 đường P, phường M, quận N, Tp Đà Nẵng. Căn cứ theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N.

Bị đơn- đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH A là ông Nguyễn Văn Trung N đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hợp đồng tín dụng số 456/2021/HDTD/DNG/01 ngày 25/03/2021; Khế ước giải ngân và nhận nợ số 456/2021/GNN/DNG/01 ngày 25/03/2021 và văn bản sửa đổi bổ sung số 456/2021/GNN/DNG/01/SDBS/01 ngày 30/09/2021, được ký kết giữa Ngân hàng TMCP T với Công ty TNHH A trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi

quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH A đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi và gốc, vi phạm định kỳ trả nợ, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Phía Ngân hàng đã nhiều lần làm việc đề yêu cầu Công ty TNHH A trả nợ nhưng đến nay Công ty TNHH A vẫn không trả được nợ. HĐXX xét thấy Công ty TNHH A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng tín dụng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T về việc buộc Công ty TNHH A phải trả số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2023 là: **1.899.934.373 đồng (Nợ gốc: 1.557.058.154 đồng; Nợ lãi: 342.876.219 đồng)** là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[2.2] Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 26/9/2023 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 456/2021/HDTD/DNG/01 ngày 25/03/2021; Khế ước giải ngân và nhận nợ số 456/2021/GNN/DNG/01 ngày 25/03/2021 và văn bản sửa đổi bổ sung số 456/2021/GNN/DNG/01/SDBS/01 ngày 30/09/2021 cho đến khi Công ty TNHH A thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2.3] Về xử lý tài sản thế chấp: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp hiện nay phía Ngân hàng không liên lạc được với đại diện Công ty TNHH A, không biết tài sản thế chấp hiện đang lưu giữ ở đâu, do ai quản lý, sử dụng do vậy việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp không thực hiện được. HĐXX xét thấy việc thế chấp tài sản được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về nội dung và hình thức, có đăng ký giao dịch bảo đảm để đảm bảo nợ vay là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật nên trường hợp Công ty TNHH A không thanh toán toàn bộ khoản nợ thì tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz GLC 300, màu đen, số khung RLM0G8EB2MV012942, số máy 2642030373864, biển kiểm soát 43A-606.40 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43003505 do Phòng

Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/03/2021 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 456/2021/HDBD/DNG/01 ngày 25/03/2021, đã được Chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 25/3/2021 được xử lý theo Điều 299, Điều 303 của BLDS 2015.

Trường hợp Công ty TNHH A hoàn tất xong khoản nợ thì phía Ngân hàng TMCP T hoàn trả lại cho Công ty TNHH A Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43003505 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an TP.Hà Nội cấp ngày 24/03/2021 đứng tên Công ty TNHH Anthony Rupin theo quy định tại **Điều 322** BLDS năm 2015.

[2.4] Về cam kết trả nợ/ thực hiện nghĩa vụ tín dụng thay: Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông Nguyễn Văn Trung N thực hiện cam kết trả nợ thay cho Công ty TNHH A theo Cam kết trả nợ/ thực hiện nghĩa vụ tín dụng thay mà ông N đã ký với TPBank ngày 25/03/2021. HĐXX xét thấy Cam kết trả nợ/ thực hiện nghĩa vụ tín dụng thay mà ông N đã ký với TPBank ngày 25/03/2021 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, trường hợp toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty A với TPBank không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty A và ông Nguyễn Văn Trung N có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho TPBank là phù hợp với **Điều 335, 340 BLDS năm 2015**.

[3] Các đề nghị của đại diện viện kiểm sát về nội dung vụ án tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Án phí KDTM sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 3.000.000 đồng Công ty TNHH A phải chịu, do Ngân hàng đã chi ứng nộp để Tòa án xem xét, nên cần buộc Công ty TNHH A phải hoàn lại số tiền này cho Ngân hàng là phù hợp với Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điều 157; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 299, 303, 322, **335, 340** Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng

- Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP T đối với Công ty TNHH A về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Xử: Buộc Công ty TNHH A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2023 là: 1.899.934.373 đồng (Nợ gốc: 1.557.058.154 đồng; Nợ lãi: 342.876.219 đồng).

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ 26/9/2023 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 456/2021/HDTD/DNG/01 ngày 25/03/2021; Khế ước giải ngân và nhận nợ số 456/2021/GNN/DNG/01 ngày 25/03/2021 và văn bản sửa đổi bổ sung số 456/2021/GNN/DNG/01/SDBS/01 ngày 30/09/2021 cho đến khi Công ty TNHH A thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp Công ty TNHH A không thanh toán toàn bộ khoản nợ thì tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz GLC 300, màu đen, số khung RLM0G8EB2MV012942, số máy 2642030373864, biển kiểm soát 43A-606.40 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43003505 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/03/2021 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 456/2021/HDBD/DNG/01 ngày 25/03/2021, đã được Chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 25/3/2021 được xử lý theo Điều 299, 303 của BLDS 2015.

Trường hợp Công ty TNHH A hoàn tất xong khoản nợ thì phía Ngân hàng TMCP T hoàn trả lại cho Công ty TNHH A Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43003505 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an TP. Đà Nẵng cấp ngày 24/03/2021 đứng tên Công ty TNHH A theo quy định tại Điều 322 BLDS năm 2015.

3. Về thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay: Trường hợp toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty A với Ngân hàng TMCP T không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty A và ông Nguyễn Văn Trung N có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP T theo Cam kết trả nợ/thực hiện nghĩa vụ tín dụng thay ngày 25/3/2021.

4. Án phí KDTM sơ thẩm: Công ty TNHH A phải chịu **68.998.031 đồng** (*Sáu mươi tám triệu chín trăm chín mươi tám nghìn không trăm ba mươi một đồng*)

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí **31.242.000 đồng** (*Ba mươi một triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009533 ngày 21/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 3.000.000 đồng buộc Công ty TNHH A phải nộp lại cho Ngân hàng TMCP T.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận N;
- Chi cục THA dân sự quận N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Trâm